

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/01/2023  
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương.
2. Bà Phan Hoàng Mai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 405/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 478/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 458/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Phạm Trần N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: 467/B, Ấp Thị, xã A, huyện T, tỉnh Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***2. Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Việt Tr, sinh năm 1997.

Địa chỉ: tổ 10, ấp MT, xã M, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/09/2022, đơn tự khai về việc xin ly hôn ngày 16/09/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Trần N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr tự tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thể hiện

tại giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 27/06/2022 do Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ông N và bà Tr là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Đến ngày 14/08/2022 bà Tr tự ý bỏ đi cho đến nay không có lý do. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông N yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được ly hôn với bà Tr.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng giữa ông N và bà Tr không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà Tr tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Việt Tr vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Trần N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Việt Tr vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A:

Về thủ tục tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn bà Tr vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bà và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

- Về hôn nhân và gia đình: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr thông qua tìm hiểu tự nguyện tiến đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/06/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và bà Tr đã tự ý bỏ đi không lý do từ ngày 14/08/2022 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hòa giải nhưng ông N vẫn kiên quyết xin ly hôn, riêng đối với bà Tr mặc dù biết ông N xin ly hôn

sau khi đã được niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông N, cho thấy bà Tr không có quan tâm đến việc hàn gắn gia đình với ông N. Xét thấy, hiện tại mục đích của hôn nhân giữa ông N, bà Tr là không đạt được, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, ông N yêu cầu ly hôn với bà Tr là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Ông N và bà Tr không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 27/06/2022 do Ủy ban nhân dân xã a, huyện t, tỉnh Đ cấp. Ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Tr; Bà Tr cư trú tại xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố L, tỉnh A nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông N và bà Tr là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa ông Phạm Trần N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Việt Tr vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Tr không đến Tòa án và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Tr.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã An Phong, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 79 ngày 27/06/2022, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, ông N và bà Tr phát sinh mâu thuẫn, ông N xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình của ông N và bà Tr sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, và bà Tr tự ý bỏ đi không lý do từ ngày 14/08/2022 cho đến nay.

[5] Xét, hôn nhân giữa ông N và bà Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông N không còn tình cảm với bà Tr, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà Tr vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông N tức là bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của bà Tr. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông N được ly hôn với bà Tr.

[6] Về quan hệ con chung: Ông N và bà Tr không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N xác định giữa ông và bà Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Tr cũng không có ý kiến cung cấp cho Tòa án về vấn đề này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét..

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N nộp tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0000812, ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A là phù hợp theo quy định pháp luật, ông N đã nộp đủ, bà Tr không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Trần N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Việt Tr.

Về quan hệ con chung: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Trần N nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000812 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Ông Phạm Trần N và bà Nguyễn Thị Việt Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông N, bà Tr.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Phương**